

Bản án số: 696/2024/HC-PT
Ngày: 09 - 7 - 2024
V/v Khiếu kiện quyết định xử phạt vi
phạm hành chính.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Nhựt Bình
Các Thẩm phán: Ông Phan Văn Yên
Ông Phạm Trí Tuấn
- Thư ký phiên tòa:** Ông Phạm Phú Cường - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Hà Văn Hiến - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 57/2024/TLPT-HC ngày 16 tháng 01 năm 2024 về việc “Khiếu kiện quyết định xử phạt vi phạm hành chính”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 123/2023/HC-ST ngày 09 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1114/2024/QĐPT –HC ngày 21 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

- Người khởi kiện:** Ông Trần Văn C, sinh năm 1982 (vắng mặt)
Địa chỉ: Ấp C, xã G, thành phố P, tỉnh Kiên Giang.
Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đặng Việt A, sinh năm 1994 (xin vắng mặt)
Địa chỉ: Tổ A, ấp S, xã D, thành phố P, tỉnh Kiên Giang.
- Người bị kiện:** Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P
Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Lê Quốc T – Chức vụ: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P (xin vắng mặt)
Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện:

Ông Nguyễn Văn H – Chức vụ: Phó Trưởng phòng Tư pháp thành phố Phú Quốc (có mặt)

Ông Phạm Hữu K – Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã G, thành phố P (có mặt)

- *Người kháng cáo:* Người bị kiện là Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ kiện, người khởi kiện và người đại diện trình bày:

Ngày 10/6/2005 cha mẹ ông Cầu là ông Trần Văn Đ và bà Thị Tuyết P có chuyển nhượng của bà Mai Thị Tuyết t đất diện tích khoảng 6.000m² tọa lạc tại ấp G, xã G, thành phố P. Nguồn gốc đất do bà T1 khai khẩn năm 1994 và có trồng nhiều loại cây cỏ thụ, làm nhà ở, đào ao nuôi cá,...Ngày 28/7/2004 Ủy ban nhân dân huyện P ra Quyết định số 2543/QĐ-UBND thu hồi diện tích đất của bà T1, nhưng thực tế bà T1 vẫn quản lý sử dụng.

Năm 2018 cha mẹ ông C cho ông C diện tích 1.854m² trong tổng diện tích trên để canh tác, chăn nuôi ổn định cuộc sống.

Cuối năm 2021, ông C tiến hành xây dựng nhà trên diện tích đất nêu trên thì bị Ủy ban nhân dân xã G lập Biên bản vi phạm hành chính. Ngày 07/01/2022 Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P ra Quyết định số 17/QĐ-XPHC về việc xử phạt hành chính đối với ông Trần Văn C do có hành vi chiếm đất rừng đặc dụng. Phạt tiền 27.500.000 đồng. Biện pháp khắc phục hậu quả buộc trả lại diện tích đất 1.854m² đã chiếm cho Vườn Quốc gia P.

Ông C xác định ông không có hành vi chiếm đất nên yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 17/QĐ-XPHC ngày 07/01/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P.

Trong quá trình giải quyết vụ kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P có ý kiến đối với đơn kiện của ông C như sau:

Ngày 27/12/2021 Công chức địa chính xã G phát hiện ông Trần Văn C đang xây dựng nhà trên thửa đất có diện tích 1.854m² tại tiểu khu G rừng đặc dụng ấp G, xã G, thành phố P. Ông C khai diện tích đất này nằm trong diện tích Quyết định thu hồi sau thanh tra năm 2004 của bà Mai Thị T2, nhưng không cung cấp được tài liệu chứng cứ.

Tuy nhiên theo Quyết định số 91/2001/QĐ-TTg ngày 08/6/2001 của Thủ tướng Chính phủ thì diện tích đất ông C đang sử dụng là đất rừng đặc dụng.

Công chức địa chính xã G đã lập Biên bản vi phạm hành chính đối với ông C do có hành vi vi phạm hành chính chiếm đất nông nghiệp (loại đất rừng

đặc dụng tại khu vực nông thôn) với diện tích đất 1.854m² theo quy định tại điểm d khoản 3 Điều 14 Nghị định số 91/2019/NĐ-CP ngày 19/11/2019 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai.

Biên bản vi phạm hành chính được lập đúng mẫu, đúng thẩm quyền, thể hiện tính pháp lý rõ ràng. Người vi phạm thừa nhận hành vi vi phạm hành chính, ký tên vào Biên bản và không đăng ký giải trình.

Căn cứ Biên bản vi phạm hành chính ngày 27/12/2021 ngày 07/01/2022 Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P đã ra Quyết định số 17/QĐ-XPHC về việc xử phạt vi phạm hành chính đối với ông C. Phạt tiền 27.500.000 đồng. Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm và buộc trả lại diện tích đất 1.854m² đã chiếm.

Đề nghị Tòa án bác đơn kiện của ông Trần Văn C.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 123/2023/HC-ST ngày 09 tháng 8 năm 2023 Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang đã quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn C.

- Hủy Quyết định số 17/QĐ-XPHC ngày 07/01/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P về việc xử phạt vi phạm hành chính đối với ông Trần Văn C.

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P thực hiện nhiệm vụ, công vụ theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 19/9/2023 người bị kiện là Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P kháng cáo bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người bị kiện là Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P có văn bản xin xét xử vắng mặt và nêu ý kiến vẫn giữ kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông C.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện là ông Nguyễn Văn H và Phạm Hữu K thống nhất phát biểu ý kiến đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của người bị kiện vì vị trí đất ông C sử dụng bị xử phạt vi phạm hành chính thuộc đất của vườn quốc gia, bị ông C lấn chiếm nên người bị kiện ra Quyết định số 17/QĐ-XPHC ngày 07/01/2022 xử phạt vi phạm hành chính đối với ông Trần Văn C là đúng quy định.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh

tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng hành chính. Những người tham gia tố tụng thực hiện các quyền, nghĩa vụ theo đúng quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Bản án của Tòa án cấp sơ thẩm xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Cầu 1 có căn cứ. Tại phiên tòa phúc thẩm, người bị kiện kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ nào mới chứng minh nên đề nghị bác kháng cáo và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tòa án triệu tập hợp lệ, người khởi kiện và người bị kiện, xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 225 Luật tố tụng hành chính, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử phúc thẩm vụ án vắng mặt các đương sự này.

[2] Hồ sơ vụ án thể hiện, ngày 28/7/2004, Ủy ban nhân dân huyện P ban hành Quyết định số 2543/QĐ-UB về việc thu hồi đất do bao chiếm, lấn chiếm đất đai do Nhà nước quản lý đối với bà Mai Thị Tuyết . Ngày 10/6/2005 bà T2 lại làm giấy tay chuyển nhượng 6.000m² cho ông Trần Văn Đ, bà Thị Tuyết P (sau khi đã có quyết định thu hồi). Phù hợp với lời trình bày của ông Trần Văn C về nguồn gốc phần diện tích 1.854m² nằm trong diện tích 6.000m² mà bà Mai Thị T2 đã chuyển nhượng bằng giấy tay ngày 10/6/2005 cho cha mẹ ông là Đ, bà Phước; Mặc dù, năm 2004 Ủy ban nhân dân huyện P đã ra quyết định thu hồi đất của bà T2, nhưng thực tế bà T2 vẫn đang quản lý sử dụng đất.

[3] Từ các tài liệu chứng cứ trên có cơ sở xác định phần diện tích đất mà gia đình ông C đang quản lý sử dụng (do nhận chuyển nhượng từ bà T2 năm 2005) đã bị Nhà nước thu hồi từ năm 2004. Do đó, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P ban hành Quyết định số 17/QĐ-XPHC ngày 07/01/2022 thì ông C bị xử phạt do có hành vi: Chiếm đất nông nghiệp (loại đất rừng đặc dụng), diện tích là 1.854m²; Biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc ông Trần Văn C khôi phục lại tình trạng ban đầu của đất trước khi vi phạm và buộc trả lại diện tích 1.854m² đất đã chiếm tại tiểu khu G rừng đặc dụng, ấp G, xã G, thành phố P, tỉnh Kiên Giang cho Vườn quốc gia P là có căn cứ, đúng quy định pháp luật.

[4] Bản án của Tòa án cấp sơ thẩm nhận định do người bị kiện không cung cấp được bản chính Quyết định số 2543/QĐ-UB ngày 28/7/2004 và xác định vị trí đất của bà Mai Thị T2 theo Quyết định bị thu hồi, sơ đồ, vị trí trên thực địa tại thời điểm hiện nay; Ngoài ra, biên bản vi phạm hành chính được lập

không đúng thành phần, không mô tả hết diện tích đất vi phạm của ông C, để từ đó chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện là không có căn cứ, bởi: Ông C cũng thừa nhận phần đất của bà T2 đã bị Ủy ban nhân dân huyện P ra quyết định thu hồi từ năm 2004; Tại văn bản số 280/TTr-XKT ngày 10/8/2022 của Thanh tra tỉnh Kiên Giang đã cung cấp tài liệu liên quan đến Quyết định số 2543/QĐ-UB ngày 28/7/2004. Do đó, việc người bị kiện không cung cấp được bản chính Quyết định số 2543/QĐ-UB ngày 28/7/2004 không làm thay đổi bản chất nội dung vụ việc, không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án.

[5] Theo nội dung 17/QĐ-XPHC ngày 07/01/2022 thì ông C đã có hành vi lấn chiếm đất của Vườn quốc gia P. Quá trình giải quyết vụ án, người bị kiện cũng trình bày phần diện tích 1.854m² mà ông C đang sử dụng nằm trong ranh của Vườn quốc gia P. Do đó, việc giải quyết yêu cầu khởi kiện của ông C có liên quan, ảnh hưởng đến quyền lợi của Vườn quốc gia P, nhưng bản án của Tòa án cấp sơ thẩm không đưa Vườn quốc gia P vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định tại Điều 3 Luật tố tụng hành chính là xác định không đầy đủ đương sự trong vụ án. Tuy nhiên, như phân tích trên, yêu cầu khởi kiện của ông C không có cơ sở do vậy không cần thiết hủy án mà Tòa án cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

[6] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy bản án của Tòa án cấp sơ thẩm chưa đánh giá đầy đủ toàn diện tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án nên chấp nhận yêu cầu kháng cáo của người bị kiện, sửa bản án sơ thẩm theo hướng phân tích trên. Lập luận này cũng là cơ sở để không chấp nhận đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa.

[7] Án phí hành chính sơ thẩm: Ông Trần Văn C phải chịu; Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P không phải chịu.

[8] Án phí hành chính phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo được chấp nhận nên người có kháng cáo không phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 241 Luật tố tụng hành chính, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P; Sửa bản án hành chính sơ thẩm số 123/2023/HC-ST ngày 09/8/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang

Áp dụng Điều 12, Điều 58 Luật xử lý vi phạm hành chính; Nghị định số

181/2021/NĐ-CP ngày 23/12/2021 của Chính phủ; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Tuyên xử:

1. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn C về việc: Hủy Quyết định số 17/QĐ-XPHC ngày 07/01/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P về việc xử phạt vi phạm hành chính đối với ông Trần Văn C.

2. Án phí hành chính sơ thẩm:

- Ông Trần Văn C phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được trừ vào 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng phí theo Biên lai thu tiền số 0007180 ngày 18/3/2022 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Kiên Giang.

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P không phải chịu.

3. Án phí hành chính phúc thẩm: Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P không phải chịu. Hoàn trả cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố P 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0003342 ngày 09/10/2023 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Kiên Giang.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao (1);
- VKSNDCC tại Thành phố Hồ Chí Minh (1);
- TAND tỉnh Kiên Giang (1);
- VKSND tỉnh Kiên Giang (1);
- Cục THADS tỉnh Kiên Giang (1);
- Các đương sự (2);
- Lưu: hồ sơ vụ án (1), VP (5), 13b (PPC);

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Phan Nhựt Bình